

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN - TỈNH THÁI NGUYÊN**

Căn cứ vào Điều 211, Điều 212, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 02/2020/TLST-HN&GD ngày 11 tháng 02 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1992

ĐKKHKT: Xóm 1, Xuân Hà, xã Thành Công, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

2. Chị Lưu Thị Hồng H, sinh năm 1996

ĐKKHKT: Xóm An Thịnh, xã Thành Công, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Văn N và chị Lưu Thị Hồng H kết hôn năm 2016, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Thành Công, thị xã Phổ Yên. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng chỉ được thời gian ngắn, đến năm 2017 bắt đầu mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu mâu thuẫn giữa mẹ chồng với con dâu, mâu thuẫn giữa cả hai vợ chồng, hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Tháng 10/2017 chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xóm An Thịnh, xã Thành Công và vợ chồng cũng ly thân từ đó. Thời gian vợ chồng ly thân đã lâu nên xác định tình cảm không còn. Do cả hai cùng thống nhất có đơn yêu cầu công nhận việc thuận tình ly hôn. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh N và chị H mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại. Vì vậy, việc thuận tình ly hôn được ghi nhận trong Biên bản thỏa thuận về ly hôn; Biên bản

hòa giải đoàn tụ không thành ngày 19 tháng 02 năm 2020, là thực sự tự nguyện, cần được chấp nhận.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống anh N, chị H có 01 con chung cháu Nguyễn Nam P, sinh ngày 24/09/2017, hiện đang ở với mẹ nên anh, chị đều thỏa thuận giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 1.000.000đ.

Thời điểm thực hiện cấp dưỡng từ tháng 02/2020 cho đến khi con chung trưởng thành.

[3] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn N và chị Lưu Thị Hồng H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không đặt ra việc giải quyết.

[4] Khoản nợ chung: Anh Nguyễn Văn N và chị Lưu Thị Hồng H xác định không có nợ chung, không đặt ra việc giải quyết.

[5] Về vấn đề khác: Không có

[6] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn N và chị Lưu Thị Hồng H thỏa thuận cùng chịu lệ phí giải quyết việc dân sự 300.000đ. Anh N, chị H được đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0004625 ngày 11/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên. Xác nhận đã nộp đủ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, Biên bản thỏa thuận về ly hôn mà không có đương sự nào ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn N và chị Lưu Thị Hồng H.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn N và chị Lưu Thị Hồng H xác định vợ chồng có 01 con chung: cháu Nguyễn Nam P, sinh ngày 24/09/2017. Anh N, chị H thỏa thuận người trực tiếp nuôi dưỡng con chung như sau:

Giao con chung cháu Nguyễn Nam P, sinh ngày 24/09/2017 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận việc anh Nguyễn Văn N tự nguyện thỏa thuận có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Thời điểm thực hiện cấp dưỡng: kể từ tháng 02/2020 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi chị H có thay đổi việc cấp dưỡng.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chấm dứt theo Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến

khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, anh N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết anh N, chị H được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung*: Anh Nguyễn Văn N và chị Lưu Thị Hồng H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không đặt ra việc giải quyết.

- *Khoản nợ chung, khoản cho vay chung*: Không có.

- *Về vấn đề khác*: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn N và chị Lưu Thị Hồng H thỏa thuận cùng chịu lệ phí giải quyết việc dân sự 300.000đ. Anh N, chị H được đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0004625 ngày 11/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên. Xác nhận đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS thị xã Phổ Yên;
- UBND xã Phúc Thuận (nơi ĐK kết hôn);
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Hồ sơ VDS;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà